ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 2774/QĐ-UBND	*Bình Định, ngày 26 tháng 08 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 4,08 ha) phục vụ thi công dự án Đập dâng Hà Thanh 1 (Hạng mục: Nâng cấp hồ Quang Hiển) tại mỏ đất TDVC22 thuộc xã Canh Hiển, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2272/STNMT-CCBVMT ngày 24/8/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại xã Canh Hiển, huyện Vân Canh của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 4,08 ha) phục vụ thi công dự án Đập dâng Hà Thanh 1 (Hạng mục: Nâng cấp hồ Quang Hiển) tại mỏ đất TDVC22 thuộc xã Canh Hiển, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 476/BQL-KTTĐ ngày 24/8/2022 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 687/TTr-STNMT ngày 25/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 4,08ha) phục vụ thi công dự án Đập dâng Hà Thanh 1 (Hạng mục: Nâng cấp hồ Quang Hiển) (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

tỉnh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại tại mỏ đất TDVC22 thuộc xã Canh Hiển, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND huyện Vân Canh;
- UBND xã Canh Hiển;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP (DIỆN TÍCH 4,08 HA) PHỤC VỤ THI CÔNG DỰ ÁN ĐẬP DÂNG HÀ THANH 1 (HẠNG MỤC: NÂNG CẤP HỒ QUANG HIỂN) TẠI MỎ ĐẤT TDVC22 THUỘC XÃ CANH HIỂN, HUYỆN VÂN CANH CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Đập dâng Hà Thanh 1 (Hạng mục: Nâng cấp hồ Quang Hiển) tại mỏ đất TDVC22 thuộc xã Canh Hiển, huyện Vân Canh.

- Địa điểm thực hiện: tại mỏ đất TDVC22 thuộc xã Canh Hiển, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định.

- Địa chỉ liên hệ: số 200 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn.

- Điện thoại: 0256.3814701.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích dự án: 4,08 ha.

- Thời hạn khai thác: 02 năm (thực hiện khai thác theo tiến độ thi công dự án Đập dâng Hà Thanh 1 (Hạng mục: Nâng cấp hồ Quang Hiển)).

- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).

- Trữ lượng khai thác: 170.734 m^3 đất địa chất (tương ứng 220.247 m^3 đất nguyên khai).

- Công suất khai thác:

+ Năm thứ 1 (năm 2023): 116.279 m^3 đất địa chất/năm.

+ Năm thứ 2 (năm 2024): 54.455 m^3 đất địa chất/năm.

1.3. Trình tự và phương pháp khai thác:

- Trình tự khai thác: Khai thác và phục hồi môi trường theo trình tự cuốn chiếu (sau khi kết thúc khai thác từng năm sẽ thực hiện san gạt, trồng cây cải tạo, phục hồi môi trường).

- Phương pháp khai thác: Vị trí mở vỉa tại cao độ cos +85m phía Đông Bắc khu mỏ (gần điểm góc số 4 và 5). Hướng khai thác từ Đông Bắc xuống Tây

Nam và từ Đông sang Tây. Sử dụng máy đào (dung tích gầu 1,25 m^3) để khai thác và xe 12 tấn để vận chuyển đất đến công trình (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 3296/UBND-KT ngày 22/5/2020).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

- Công trình bảo vệ môi trường: 01 hồ lắng 02 ngăn (phía Tây mỏ), 02 hố giảm tốc (phía Đông Nam và Tây Nam mỏ), hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa.

- Tuyến đường tạm trong mỏ (kết hợp làm các mương thoát nước dọc tuyến đường) dài khoảng 502,78 m.

- Khu vực phụ trợ phía Tây (nằm trong khu vực mỏ), diện tích khoảng 1.800 m^2 để bố trí lán trại tạm, nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe và bãi lưu chứa đất tạm diện tích khoảng 200 m^2.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng với diện tích 4,08 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Quá trình khai thác đất: nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị khai thác từ hoạt động khai thác và vận chuyển; gây nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ, sa bồi các dòng chảy và hạ lưu.

- Hoạt động vận chuyển đất làm phát sinh bụi, gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường, kênh thủy lợi và mất an toàn giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án

3.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,72 m^3/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 5.439 m^3/ngày (tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn 4,08 ha).

3.2. Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất đến dự án Đập dâng Hà Thanh 1 (Hạng mục: Nâng cấp hồ Quang Hiển).

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,…) phát sinh khoảng 5,4 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 03 kg/năm.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 15 kg/năm.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác đất gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ, nguy cơ sa bồi hư hỏng mương thủy lợi phía Tây mỏ, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,…

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực phụ trợ.

4.1.2. Xử lý nước mưa chảy tràn

- Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ và thoát nước mưa từ hồ lắng ra nguồn tiếp nhận có tổng chiều dài khoảng 612 m (kích thước: đáy lớn 1,9m x đáy bé 1,5m x sâu 1,0m); mương thu gom nước mưa chảy tràn dọc tuyến đường có chiều dài 502,78 m (kích thước: đáy lớn 1,2m x đáy bé 0,4m x sâu 0,5m). Các mương có kết cấu là mương đất hở, được gia cố đảm bảo.

- Hồ lắng phía Tây mỏ (tọa độ 1.509.308; 585.496), thể tích khoảng 600 m^3 (diện tích 200 m^2, sâu 3m), kết cấu là hồ lắng 02 ngăn, được gia cố đảm bảo.

- Hồ giảm tốc 1 phía Đông Nam mỏ (tọa độ 1.509.169; 585.655), thể tích khoảng 100 m^3 (diện tích 50 m^2, sâu 2 m) và hồ giảm tốc 2 phía Tây Nam mỏ (tọa độ 1.509.174; 585568), thể tích khoảng 100 m^3 (diện tích 50 m^2, sâu 2 m) được gia cố đảm bảo.

- Quy trình thu gom, xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn phía Bắc mỏ → mương thu gom xung quanh mỏ → hồ lắng phía Tây → mương thoát nước ngoài mỏ → cống chia nước kênh thủy lợi hồ Quang Hiển.

+ Nước mưa chảy tràn phía Nam và Tây mỏ → mương thu gom xung quanh mỏ → hố giảm tốc số 1 → hố giảm tốc số 2 → hồ lắng phía Tây → mương thoát nước ngoài mỏ → cống chia nước kênh thủy lợi hồ Quang Hiển.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển đất từ khu vực mỏ đến công trình và tăng cường vào mùa nắng.

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, không để rơi vãi đất.

- Vệ sinh bánh xe khi ra khỏi khu vực mỏ.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Trường hợp khu vực có phát sinh đá thải, bố trí khu vực lưu chứa đảm bảo môi trường và thực hiện quản lý theo quy định Luật khoáng sản.

4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I	**Khu vực mỏ**				
1.	Cắm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	cái	6	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc Dự án
2.	San gạt mặt bằng mỏ	m^3	3.672	Tạo bề mặt bằng phẳng, thoải về phía Tây Nam thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm
3.	San lấp mương thoát nước và hồ lắng	m^3	2.246	Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm
4.	Tháo dỡ đường công vụ vào mỏ	m^3	327		
5.	Tháo dỡ công thoát nước	tấn	8,19		
6.	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động	m^2	34		

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
7.	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực mỏ	ha	4,08	Phủ xanh khu vực khai thác	Sau khi kết thúc khai thác hàng năm
8.	Đo vẽ địa hình khu mỏ	ha	4,08	Giám sát độ sâu khai thác	Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng hàng năm

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **423.149.000 đồng** *(Bốn trăm hai mươi ba triệu một trăm bốn mươi chín nghìn đồng).*

- Số lần ký quỹ: 02 lần; thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 105.787.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Lần 2, số tiền: 317.362.000 đồng; thời điểm ký quỹ: thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2022.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đâu bốc lớp đất tầng phủ đến đó; tạo bờ dừng khu vực phía Nam mỏ nhằm giảm thiểu sạt lở phía hạ lưu trong quá trình khai thác.

- Thường xuyên nạo vét hồ lắng và mương thoát nước mưa đảm bảo giảm nguy cơ sa bồi, gây ảnh hưởng đến kênh thủy lợi hồ Quang Hiển.

- Bố trí khu vực điều tiết lưu lượng xe ra vào mỏ, không tập trung xe trên đường đất hiện trạng.

- Thực hiện các giải pháp bảo vệ, bảo đảm an toàn cho Kênh tưới trong quá trình vận chuyển đất từ Km1+860 đến Km2+040. Trường hợp xảy ra hư hỏng kết cấu kênh tưới phải thực hiện khắc phục, đền bù.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát chất lượng nước thải tại đầu ra hố lắng với các thông số: pH, tổng chất rắn lơ lửng; dầu mỡ khoáng; so sánh với cột B, QCVN 40-MT:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (hệ số K_q = 0,9, K_f = 0,9); tần suất giám sát 03 tháng/lần.

5.2. Giám sát bụi lơ lửng (TSP) 01 điểm tại ngã ba đầu đường vào dự án so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; tần suất giám sát 06 tháng/lần.